PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN MẦM NON 1

**TRƯỜNG MẦM NON 1**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục |  |
| Danh mục các chữ viết tắt |  |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá |  |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU |  |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ |  |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3 |  |
| Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 1.1 |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |
| Tiêu chí 1.4 |  |
| Tiêu chí 1.5 |  |
| Tiêu chí 1.6 |  |
| Tiêu chí 1.7 |  |
| Tiêu chí 1.8 |  |
| Tiêu chí 1.9 |  |
| Tiêu chí 1.10 |  |
| Kết luận về tiêu chuẩn 1 |  |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |
| Tiêu chí 2.2 |  |
| Tiêu chí 2.3 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 2 |  |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |
| Tiêu chí 3.2 |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |
| Tiêu chí 3.4 |  |
| Tiêu chí 3.5 |  |
| Tiêu chí 3.6 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 3 |  |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |
| Tiêu chí 4.2 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 4 |  |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |
| Tiêu chí 5.2 |  |
| Tiêu chí 5.3 |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 5 |  |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG |  |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ viết tắt** | **Nội dung viết tắt** |
| ATGT | An toàn giao thông |
| BĐD CMHS | Ban đại diện Cha mẹ học sinh |
| CB,CC,VC,NLĐ | Cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ |
| CBQL | Cán bộ quản lí |
| CLGD | Chất lượng giáo dục |
| GDĐT | Giáo dục đào tạo |
| GDTC | Giáo dục thể chất |
| GDTH | Giáo dục tiểu học |
| GV | Giáo viên |
| HS | Học sinh |
| HTCTTH | Hoàn thành chương trình tiểu học |
| HĐNGLL | Hoạt động ngoài giờ lên lớp |
| HĐGD | Hoạt động giáo dục |
| NV | Nhân viên |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PCGDTH | Phổ cập giáo dục tiểu học |
| QĐND | Quân đội Nhân dân |
| SNĐ | Sao nhi đồng |
| TTLĐXS | Tập thể lao động xuất sắc |
| TNTPHCM | Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh |
| TĐG | Tự đánh giá |
| UBND | Ủy ban Nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1,2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, Tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| **Tiêu chuẩn 1** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 1.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.2 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.6 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.7 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.8 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.9 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.10 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| **Tiêu chuẩn 2** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 2.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 3** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 3.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.6 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| **Tiêu chuẩn 4** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 4.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 4.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 5** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 5.1 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 5.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |

**Kết quả: Không Đạt**

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

**2. Kết luận**

**Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường:

Tên trước đây:

Phòng Giáo dục và Đào tạo:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương |  | | Huyện/Quận/Thị xã |  | | Xã/Phường/Thị trấn |  | | Đạt chuẩn quốc gia |  | | Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) |  | | Công lập |  | | Tư thục |  | | Dân lập |  | | Trường liên kết với nước ngoài |  | | |  |  | | --- | --- | | Họ và tên hiệu trưởng |  | | Điện thoại |  | | Fax |  | | Website |  | | Số điểm trường |  | | Loại hình khác |  | | Thuộc vùng khó khăn |  | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  | |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 3 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cộng | 3 | 5 | 0 | 0 | 0 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| I | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 5 | 5 | 10 | 0 | 0 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 10 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| II | Khối phòng phục vụ học tập | 0 | 20 | 15 | 20 | 10 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 20 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 20 | 15 | 0 | 10 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| III | Khối phòng hành chính quản trị | 0 | 10 | 0 | 0 | 0 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 10 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| IV | Khối phòng tổ chức ăn | 0 | 15 | 0 | 0 | 0 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 15 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Cộng | 5 | 50 | 25 | 20 | 10 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**a) Số liệu tại thời điểm TĐG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** | **Ghi chú** |
| Hiệu trưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Phó Hiệu trưởng | 20 | 0 | 10 | 0 | 0 | 30 |  |
| Giáo viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Nhân viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Cộng | 20 | 0 | 10 | 0 | 0 | 30 |  |

**b) Số liệu của 5 năm gần đây**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Tổng số giáo viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Tổng số trẻ em | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Đối tượng chính sách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Khuyết tật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tuyển mới | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ trẻ em/lớp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ trẻ em/nhóm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

**PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung nhà trường**

**2. Mục đích TĐG**

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bặt trong hoạt động TĐG**

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá;*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá;*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về tiêu chuẩn 1**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/10 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 10

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/10 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 10

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/5 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định;*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 3

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 3

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 3

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

Mức 1:

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập**

Mức 1:

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3:

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị**

Mức 1:

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn**

Mức 1:

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

Mức 1:

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/5 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ**

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non**

Mức 1:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt |  | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt |  | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt |  | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe**

Mức 1:

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 3

Kết luận: Không đạt

**III. KẾT LUẬN CHUNG**